

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HOÀ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 70/2022/HSPT

Ngày: 23 - 6 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HOÀ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Viên

Thẩm phán: Ông Trần Anh Khoa

Bà Lê Thúy Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hoà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hoà tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Bai – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 80/2022/TLPT-HS ngày 10 tháng 5 năm 2022 đối với các bị cáo Nguyễn Thị Thu H, Trần Văn C do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 96/2022/HS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh H1.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1976, tại Khánh H1; nơi cư trú: Tổ 4, Xuân L 1, xã Vĩnh N1, thành phố N, tỉnh Khánh H1; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 3/12; con ông Nguyễn Văn Chậm (Chết) và bà Phạm Thị Duyên (SN 1954); chồng: Trần Văn C (SN 1976), có 03 con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/5/2021. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Văn C, sinh năm 1976, tại Khánh H1; nơi cư trú: Tổ 4, Xuân Lạc 1, xã Vĩnh N1, thành phố N, tỉnh Khánh H1; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; con ông Trần X (Chết) và bà Nguyễn Thị C1 (Chết); vợ: Nguyễn Thị Thu H (SN 1976), có 03 con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/5/2021. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn C và Nguyễn Thị Thu H có mua 01 xe ô tô hiệu KIA, loại MORNING, được Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Khánh H1 cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 034096, biển kiểm soát 79A-191.36, đứng tên chủ xe Trần Văn C, cấp ngày 22/6/2018, để kinh doanh dịch vụ.

Ngày 29/6/2018, Trần Văn C và Nguyễn Thị Thu H ký kết hợp đồng vay, thế chấp xe ô tô với Ngân hàng A - Chi nhánh N – Phòng Giao dịch Phước T2 với số tiền vay là 254.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi tư triệu đồng*), thời hạn vay 72 tháng, từ ngày 30/6/2018 đến 30/6/2024, theo Hợp đồng số LN 1806190742185/BTN/HĐTC. Nội dung hợp đồng: Ngân hàng A – Chi nhánh N – Phòng Giao dịch Phước T2 cho ông bà Trần Văn C và Nguyễn Thị Thu H vay số tiền 254.000.000 đồng để mua xe ô tô hiệu KIA, loại MORNING; ông C, bà H dùng chính chiếc xe này để làm tài sản thế chấp. Ngân hàng A – Chi nhánh N – Phòng Giao dịch Phước T2 giữ lại bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 034096.

Khoảng đầu tháng 11/2019, do cần tiền tiêu xài cá nhân nên Nguyễn Thị Thu H lên mạng xã hội Facebook tìm người làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 034096, biển kiểm soát 79A-191.36, đứng tên chủ xe Trần Văn C, cấp ngày 22/6/2018, với giá 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*). Việc làm giả giấy tờ H không nói cho C biết.

Sau khi có được Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả, Nguyễn Thị Thu H nói cho Trần Văn C biết mình đã làm giả giấy tờ xe và nhờ em họ là Nguyễn Trung T3 tìm người thế chấp xe.

Ngày 13/11/2019, H và C đã thế chấp xe ô tô trên cho ông Trần Trọng K để vay số tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*). Tuy nhiên, do sợ H và C không trả được tiền gốc và tiền lãi nên ông K đã yêu cầu H và C ký hợp đồng mua bán chiếc xe nói trên. Cả hai bên thỏa thuận nếu H, C không trả lãi và tiền gốc thì ông K được quyền đăng ký chủ sở hữu đối với chiếc xe này. H và C đồng ý ký hợp đồng mua bán chiếc xe và hợp đồng này được chứng thực tại Văn phòng Công chứng Kim N, thành phố Nha Trang. Sau khi ký hợp đồng mua bán chiếc xe trên, H và C giao xe ô tô, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả cho ông K giữ. Sau đó, H và C thuê lại chiếc xe ô tô trên từ ông K với giá 10.000.000 đồng/01 tháng (*Mười triệu đồng một tháng*).

Sau đó, H và C tiếp tục vay của ông K 02 (Hai) lần với tổng số tiền 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*). Trong đó, lần 01 vay 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*), hai bên không nhớ rõ thời gian; lần 02 vay 45.000.000 đồng (*Bốn mươi lăm triệu đồng*) vào ngày 11/02/2020. Vì tin tưởng Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô là thật và các bên đã làm thủ tục mua bán xe có công chứng nên ông K tiếp tục cho H và C vay số tiền trên. Ngày 11/02/2020, cả hai bên là vợ chồng H, C cùng với ông K viết giấy mượn nợ, trong đó vợ chồng H, C tổng cộng mượn của ông K 94.000.000 đồng (*Chín mươi tư triệu đồng*), gồm: 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*) tiền vay và 24.000.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu đồng*) tiền thuê xe ô tô mà vợ chồng H, C chưa trả cho ông K. Việc mượn tiền này có ông Nguyễn Trung T3 là em họ của H chứng kiến.

Khi đến hạn thanh toán, H và C không thanh toán tiền vay, tiền lãi vay và tiền thuê xe nên ông K đã lấy lại xe ô tô, rồi đi đăng ký lại Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, theo Hợp đồng mua bán xe nói trên thì phát hiện Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mà H, C giao cho mình là giả. Vì vậy, ông K đã khiếu nại đến Văn phòng Công chứng Kim N đồng thời gửi đơn tố cáo hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của H và C đến Cơ quan Công an.

Tại Cơ quan Công an, H và C thừa nhận hành vi phạm tội như trên.

Kết luận giám định số 709/GĐTĐP/2020 ngày 22/12/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Khánh Hòa, kết luận:

- 01 (Một) “Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô” số: 034096, mang tên “Trần Văn C”; Địa chỉ: Tổ 4, Xuân Lạc 1, Vĩnh N1, Nha Trang. Biển số đăng ký: 79A-191.36; Số máy G4LAJP008741; Số khung: 51M5JC12860, đề ngày 22/6/2018 (Tài liệu cần giám định – Ký hiệu A1) là giả.

- Chữ ký, chữ viết, dấu vân tay trên hợp đồng mua bán xe ô tô biên kiểm soát 79A-191.36 giữa ông Trần Văn C, bà Nguyễn Thị Thu H (Bên bán) với ông Trần Trọng K (Bên mua) được Văn phòng Công chứng Kim N chứng thực số 400/2019-Quyển số 01/TP/CC-SCC/MBĐS ngày 13/11/2019 là do ông C, bà H ký, viết và điếm chỉ ra.

Kết luận giám định tài sản số 531/KL-HĐĐGTS ngày 14/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, kết luận: Xe ô tô biên kiểm soát 79A-191.36 trị giá 309.600.000 đồng (*Ba trăm lẻ chín triệu sáu trăm nghìn đồng*).

Bản án hình sự sơ thẩm số 96/2022/HS-ST ngày 28/3/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, đã quyết định: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Nguyễn Thị Thu H 04 (*Bốn*) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, 03 (*Ba*) năm tù về tội “*Làm giả tài liệu cơ quan, tổ chức; Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Thị Thu H phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 07 (*Bảy*) năm tù;

- Trần Văn C 03 (*Ba*) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, 02 (*Hai*) năm 06 (*Sáu*) tháng tù về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Trần Văn C phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 05 (*Năm*) năm 06 (*Sáu*) tháng tù.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 29/3/2022, bị cáo Nguyễn Thị Thu H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 01/4/2022, bị cáo Trần Văn C có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo Nguyễn Thị Thu H, Trần Văn C giữ nguyên nội dung kháng cáo, khai nhận toàn bộ diễn biến hành vi mà các bị cáo đã thực hiện như nội dung án sơ thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Thị Thu H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả tài liệu cơ quan, tổ chức; Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”; bị cáo Trần Văn C về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm c khoản 2 Điều 174; điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội. Cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật đối với các bị cáo Nguyễn Thị Thu H và Trần Văn C, xử phạt Nguyễn Thị Thu H 04 (Bốn) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, 03 (Ba) năm tù về tội “Làm giả tài liệu cơ quan, tổ chức; Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Thị Thu H phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 07 (Bảy) năm tù; xử phạt Trần Văn C 03 (Ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Trần Văn C phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù là phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, không còn tình tiết giảm nhẹ nào khác để xem xét, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Thu H và Trần Văn C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Lời khai nhận của các bị cáo Nguyễn Thị Thu H và Trần Văn C tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, lời khai của bị hại, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng tháng 11 năm 2019, bị cáo Nguyễn Thị Thu H làm giả 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 034096 ngày 22/6/2018, đứng tên chủ xe Trần Văn C. Ngày 13/11/2019, các bị cáo Nguyễn Thị Thu H và Trần Văn C sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả nêu trên để lừa bán chiếc xe ô tô hiệu KIA, loại MORNING, biển kiểm soát 79A-191.36 (là tài sản đã thế chấp cho N hàng A để đảm bảo thực hiện toàn bộ nghĩa vụ theo hợp đồng cho vay) cho ông Trần Trọng K chiếm đoạt 100.000.000 đồng. Bị cáo H và C lại tiếp tục dựa trên hợp đồng mua bán và Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 034096 giả đã giao cho ông K để lừa đảo chiếm đoạt của ông Trần Trọng K 70.000.000 đồng. Tổng số tiền các bị cáo H và C sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 034096 giả để lừa đảo chiếm đoạt của ông Trần Trọng K là 170.000.000 đồng. Do đó, cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Thị Thu H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả tài liệu cơ quan, tổ chức; Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”; bị cáo Trần Văn C về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm c khoản 2 Điều 174; điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, như: thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và có nhân thân tốt, xử phạt: bị cáo Nguyễn Thị Thu H 04 (Bốn) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, 03 (Ba) năm tù về tội “*Làm giả tài liệu cơ quan, tổ chức; Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Thị Thu H phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 07 (Bảy) năm tù; bị cáo Trần Văn C 03 (Ba) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Trần Văn C phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ cũng như hậu quả của hành vi phạm tội và nhân thân của từng bị cáo.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Thị Thu H, Trần Văn C thuộc trường hợp “*Phạm tội 02 lần trở lên*” là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, không còn tình tiết nào khác để Hội đồng xét xử xem xét, nên không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Thu H, Trần Văn C.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự,

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Thu H và Trần Văn C. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Thị Thu H và Trần Văn C,

Xử phạt: Nguyễn Thị Thu H 04 (Bốn) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, 03 (Ba) năm tù về tội “*Làm giả tài liệu cơ quan, tổ chức; Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Thị Thu H phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/5/2021.

Trần Văn C 03 (Ba) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Trần Văn C phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/5/2021.

2. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Thị Thu H và Trần Văn C, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- TAND TP. Nha Trang;
- VKSND, CA TP. Nha Trang;
- Chi cục THADS TP. Nha Trang;
- Bị cáo;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hữu Viên